

*Phụ lục 1***KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
NĂM HỌC 2024-2025 (4- 5 TUỔI)****(Thực hiện từ ngày 16/09/2024 đến ngày 23/5/2025)**

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện
1	Trường Mầm Non thân yêu (4 tuần)	- Vui tết trung thu	1	16-20/09/2024
		-Trường mầm non thân yêu	2	23- 27/ 09/2024
		- Lớp Mẫu giáo của bé	3	30/09-4/10/ 2024
		- Các hoạt động trong trường mầm non	4	07- 11/10/2024
2	Bản thân (3 tuần)	- Bé tự giới thiệu về mình	5	14 - 18/10/2024
		-Cơ thể bé và bạn	6	21 - 25/10/ 2024
		- Bé lớn lên từng ngày	7	28/- 01/ 11/2024
3	Gia đình (5 tuần)	- Ngôi nhà của bé	8	04– 08/11/2024
		- Đồ dùng trong gia đình bé	9	11- 15/11/2024
		- Ngày hội của cô giáo	10	18- 22/11/ 2024
		-Gia đình thân yêu của bé	11	25- 29/11/2024
		Nhu cầu trong gia đình bé	12	02/12 - 06/12/2024
4	Lớn lên bé thích làm nghề gì? (4tuần)	- Bé yêu nghề nông nghiệp.	13	09- 13/12/2024
		- Cháu yêu chú bộ đội	14	16- 20/12/2024
		- Nghề thợ xây	15	23 - 27/12/2024
		- Nghề bác sỹ	16	30/12 -03/01/2025
5	Tết trên quê em và Thế giới thực vật - (5 tuần)	- Cây xanh và môi trường sống	17	06-10/01/2025
		- Tết và mùa xuân	18	13-17/01/2025
		- Một số loại rau củ	19	20-24/01/2025
		- Nghỉ tết âm lịch, ôn tập		27/-31/01/2025
		- Một số loại Hoa- quả	20	03/02 - 07/02/2025
6	Những con vật đáng yêu (4 tuần)	- Động vật nuôi trong gia đình	21	10-14/02/2025
		- Động vật sống dưới nước	22	17-21/02/2025
		-Động vật sống trong rừng	23	24-28/02/2025
		- Ngày vui 8/3	24	02/03-07/03/2025
		Côn trùng và một số loài chim	25	10/03-14/03/2025
7	Bé tìm hiểu phương tiện và QĐGT (3 tuần)	- PT và QĐGT đường bộ.	26	17- 21/03/2025
		-PT và QĐGT đường không	27	24- 28/03/2025
		-PT và QĐGT đường thủy	28	31/3 - 04/04/2025
8	Một số hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	- Bé biết gì về nước	29	07- 11/04/2025
		- Các hiện tượng tự nhiên	30	14- 18/04/ 2025
		- Thứ tự các mùa trong năm	31	21- 25/04/2025
9	Quê hương yêu dấu-	- Quê hương em yêu dấu	32	28/04- 02/05/ 2025

	Bác Hồ của em (4 tuần)	- Diễn châu mến yêu	33	05 – 09/05/ 2025
		- Du lịch nghệ An.	34	12 – 16/05/ 2025
		-Bác Hồ Kính yêu	35	19 – 23/05/ 2025
Tổng :		35 tuần		

*Phụ lục 2***KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024 - 2025****PHẦN A****KẾ HOẠCH CHĂM SÓC VỆ SINH - DINH DƯỠNG****1.1 Tổ chức bữa ăn**

- Nhà trường tổ chức các bữa ăn cho trẻ đảm bảo theo quy định; đảm bảo các chất, đủ năng lượng của trẻ trong ngày, cung cấp dinh dưỡng giúp trẻ phát triển cân đối, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân dưới 2,5%; thấp còi dưới 3,5%; béo phì dưới 1%.

- Giáo viên cung cấp cho trẻ biết được một số món ăn, thực phẩm, dạng chế biến thông thường và lợi ích của chúng

- Giáo viên dạy trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống, trẻ làm một số việc tự phục vụ trong tổ chức bữa ăn

1.2 Tổ chức giấc ngủ

- Giáo viên giúp trẻ có giấc ngủ tốt, đủ thời gian ngủ là 150 phút, để đảm bảo sức khỏe, giúp trẻ phát triển toàn diện.

- Trẻ biết làm một số nhiệm vụ vừa sức để chuẩn bị tốt cho giờ ngủ và sau khi ngủ dậy

1.3 Tổ chức vệ sinh

- Giáo viên rèn cho trẻ có thói quen vệ sinh vệ sinh, có một số hành vi tốt trong vệ sinh, biết giữ gìn cơ thể khỏe mạnh.

- Trẻ biết thực hiện các thao tác rửa tay lau mặt đúng thao tác

1.4 Chăm sóc sức khỏe

- Trẻ biết giữ gìn sức khỏe và sự an toàn. Trẻ có một số kiến thức về phòng bệnh thông thường và các bệnh theo mùa cho trẻ.

- Phối hợp với các tổ chức y tế để khám bệnh cho trẻ, đảm bảo sức khỏe cho trẻ, giúp phụ huynh chăm sóc trẻ tốt hơn.

1. Chuẩn bị:

- Tổ chức bữa ăn: Giáo viên phải chuẩn bị đầy đủ đồ dùng cho bữa ăn

- Tổ chức giấc ngủ: Giáo viên phải chuẩn bị tốt các điều kiện đảm bảo giấc ngủ cho trẻ

- Tổ chức vệ sinh: Giáo viên chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh cho trẻ

- Chăm sóc sức khỏe: Giáo viên kiểm tra sức khỏe định kỳ, hướng dẫn theo dõi sức khỏe trẻ; giáo viên và trẻ có trang phục gọn gàng, sạch sẽ,...

3. Nội dung

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/điều chỉnh

3.1 Tổ chức bữa ăn	a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ. + Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. * <i>Lượng thực phẩm:</i> - Mỗi bữa chính trẻ ăn 280g - 300g cơm và thức ăn (khoảng 2 bát) với đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng cần * <i>Nước uống:</i> - Hàng ngày trẻ được uống nước đầy đủ, nhất là về mùa hè. Lượng nước cần được đưa vào cơ thể trẻ 1,6 - 2 lít nước một ngày (cả trong thức ăn và hoa quả). b. Chăm sóc bữa ăn * <i>Trước khi ăn.</i> - Cô chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh và hướng dẫn trẻ vệ sinh sạch sẽ, rửa tay sát khuẩn trước khi ngồi vào bàn ăn. * <i>Trong khi ăn.</i> - Giáo viên cần tạo không khí thoải mái cho trẻ trong khi ăn. - GV cần quan tâm hơn những trẻ mới đến lớp, trẻ yếu hoặc mới ốm dậy - Dạy trẻ có một số hành vi văn minh trong ăn uống * <i>Sau khi ăn:</i> - Hướng dẫn trẻ đồ dùng đúng vào nơi quy định, - Giáo viên lau sàn nhà khô ráo sạch sẽ, sát khuẩn sàn nhà sau khi ăn xong.	-CBQL chỉ đạo thực hiện. -GV phối hợp phụ huynh thực hiện	
3.2 Tổ chức giấc ngủ	* Chuẩn bị trước khi trẻ ngủ: - Giáo viên chuẩn bị đầy các đồ dùng, tâm thế cho trẻ để chuẩn bị tốt cho giấc ngủ của trẻ. * Theo dõi trẻ trong khi ngủ: - Trẻ có thói quen ngủ trưa 1 giấc khoảng 140p- 150 phút - Khi trẻ ngủ: giáo viên phải thường xuyên có mặt để theo dõi trẻ ngủ; giáo viên quan sát, phát hiện kịp	-CBQL chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc -Giáo viên thực hiện	

		thời và xử lý các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. * Chăm sóc sau khi trẻ thức dậy: - Không nên đánh thức trẻ đồng loạt, trẻ nào thức trước cô cho trẻ dậy trước. - Hướng dẫn trẻ tự làm một số việc vừa sức .Sau khi trẻ tỉnh táo cho trẻ ăn quà chiều.		
3.3. chức năng sinh	Tổ vệ	1.Vệ sinh cá nhân cô: - Cô giáo phải thường xuyên vệ sinh cá nhân sạch sẽ * Vệ sinh thân thể: - Giáo viên luôn giữ gìn VS thân thể - Quần áo gọn gàng, sạch sẽ. - Không sử dụng chung đồ dùng của trẻ 2. Vệ sinh cá nhân trẻ 2.1 Chuẩn bị các đồ dùng vệ sinh cá nhân. - Cô giáo chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh cho trẻ 2.2 Chăm sóc và hướng dẫn trẻ thực hiện VSCN, phòng tránh dịch covid - Giáo viên hướng dẫn trẻ một số công việc tự chăm sóc sức khỏe cá nhân và tập cho trẻ làm quen dần với việc tự phục vụ. 3. Vệ sinh môi trường: * Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi - Các đồ dùng, đồ chơi trong lớp giáo viên phải rửa sạch, khử khuẩn các loại đồ dùng đồ chơi bằng dung dịch sát khuẩn an toàn và phơi khô ráo - Các đồ dùng phải xếp đặt ngăn nắp - Có lịch VS đồ dùng hằng tuần * Vệ sinh phòng nhóm - Giáo viên phải VS phòng nhóm thường xuyên sạch sẽ, phòng kho ngăn nắp, đồ chơi xếp đặt gọn gàng. - Phòng vệ sinh thường xuyên được lau chùi sạch sẽ, khô ráo và không có mùi hôi khai. * Xử lý rác, nước thải - Cuối ngày giáo viên đưa về nơi tập kết rác thải của nhà trường để xử lý rác sạch sẽ. Phân loại rác theo chất liệu - Thường xuyên khơi thông cống rãnh để thông nguồn nước thải, không để ứ đọng nước thải sau khi rửa xong, xử lý nước thải bằng vôi và các chất xử lý,	- Giáo viên	

	không để gây mùi hôi của nước thải, mất vệ sinh. * Giữ sạch nguồn nước - Nguồn nước cho trẻ ăn uống phải đảm bảo đúng quy chuẩn; nước không bị ô nhiễm bằng các tạp chất. - Cung cấp đủ nước sạch để nấu và sinh hoạt hằng ngày - Dụng cụ chứa nước đảm bảo sạch sẽ		
3.4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	1. Chăm sóc sức khỏe trẻ: * Khám sức khỏe và điều trị chuyên khoa: - Trong năm học nhà trường phối hợp bác sỹ của Trung tâm y tế huyện, bác sỹ chuyên khoa để khám cho trẻ ít nhất 1 lần trong năm * Theo dõi và đánh giá sự phát triển thể lực của trẻ bằng biểu đồ - Giáo viên tổ chức cân cho trẻ và ghi vào biểu đồ tăng trưởng mỗi quý một lần (15/9; 15/12; 15/3); đo chiều cao 6 tháng 1 lần (15/9 và 15/3). Đối với trẻ bị suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi hàng tháng, 2. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp: * Phát hiện và chăm sóc trẻ ốm: - Thường xuyên quan sát trẻ phát hiện những biểu hiện của trẻ ốm, trao đổi với phụ huynh và nhân viên y tế để chăm sóc trẻ * Phát hiện và xử lý ban đầu của một số bệnh thường gặp: - Giáo viên tuyên truyền về bệnh thường gặp theo mùa cho phụ huynh nắm bắt và đảm bảo sức khỏe cho trẻ. - Nhà trường có tủ thuốc và có đủ các loại thuốc thông dụng, có dán nhãn mác và hạn sử dụng của các loại thuốc. Tủ thuốc phải khóa cẩn thận, sạch sẽ, không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không tự tiện cho trẻ uống các loại kháng sinh, các loại thuốc khác khi không có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. 3. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. * An toàn thể lực: - Thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất để kịp thời thanh lý, tu sửa kịp thời, không để trẻ bị thương tích.	Bác sỹ trạm y tế Nhân viên y tế ; Giáo viên Giáo viên; Phụ huynh	

	- Quản lí trẻ cẩn thận mọi lúc mọi nơi. Tạo môi trường an toàn cho trẻ khi đến trường. * An toàn tính mạng: - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nước uống và nước sinh hoạt dùng cho trẻ đảm bảo vệ sinh, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm. Không để xảy ra việc thất lạc trẻ. - Đồ chơi ngoài trời, phù hợp với độ tuổi, CSVC đảm bảo an toàn đảm bảo an toàn về tính mạng. - Phối hợp với các ban ngành đoàn thể để giữ an toàn giao thông trong giờ đưa đón trẻ.	Nhân viên y tế, giáo viên, phụ huynh Giáo viên	
--	--	--	--

PHẦN B
KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025
ĐỘ TUỔI 4 -5 TUỔI

Mục tiêu	Nội dung
Lĩnh vực phát triển thể chất	
*Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
MT1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi . Trẻ trai: + Cân nặng từ 14.4 - 23.5kg + Chiều cao từ 100.7-119.1 cm Trẻ gái: + Cân nặng từ 14.4-23.5kg + Chiều cao từ 99.5 - 117.2 cm	- Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng, thích ăn nhiều loại thực phẩm. - Vệ sinh trong ăn uống, vệ sinh cá nhân sạch sẽ - Phòng chống, nhận biết suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì. Tìm ra nguyên nhân của béo phì và suy dinh dưỡng. Phòng tránh các bệnh, tai nạn thường gặp - Tập các bài tập thể dục thường xuyên - Cân đo và khám sức khỏe định kỳ
MT2. Trẻ biết tên một số loại thực phẩm: Nhóm thực phẩm có nhiều chất đạm và nhóm thực phẩm có nhiều chất vitamin. Trẻ biết được một số thực phẩm cùng nhóm: - Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: - Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. Rau, quả chín có nhiều vitamin. -Xào, luộc, chiên, rán,... rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
MT3. Trẻ biết thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt khi được nhắc nhở (tự rửa tay bằng xà phòng, lau mặt, đánh răng...) -Trẻ có khả năng thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. - Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống, trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	-Trẻ rửa tay bằng xà phòng, lau mặt, đánh răng đúng thao tác. - Nhận biết ký hiệu, sử dụng đồ dùng cá nhân như khăn mặt, cốc uống nước,... đúng cách. - Nhận biết tên món ăn, ăn hết suất gọn gàng không làm đổ thức ăn. - Dạy trẻ mặc, gấp quần, áo, đi giày, dép, cởi tất,...Đi vệ sinh đúng nơi quy định. Cất đồ dùng cá nhân đúng chỗ - Hành vi văn minh trong ăn, uống, sinh hoạt hàng ngày (Uống nước đã đun sôi, rót vừa lượng nước để uống, tự uống nước khi khát.)

	- Ăn hết khẩu phần, không kén chọn thức ăn, không xúc thức ăn của mình sang bát của bạn, nhặt thức ăn rơi vãi và bỏ vào đĩa..
MT 4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp (chạy, ngã chảy máu...)... Nhận biết một số vật dụng, một số hành động nguy hiểm.. Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:	- Không đi theo người lạ, nhận quà của người lạ - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can, không chơi gần ao hồ, nương nước,... - Biết tránh xa nguồn điện, nước nóng,... - Biết đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy - Biết tránh xa những con vật hung dữ, nguy hiểm. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ : - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. -Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. Bé làm gì khi bị lạc
*Giáo dục phát triển vận động	
MT5. Trẻ biết giữ thăng bằng khi thực hiện vận động đi chạy: đi liên tục trên ghế thể dục; đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m	<i>Bài tập phát triển chung+vận động cơ bản</i> Đi và chạy + Đi kiễng gót, đi bằng gót chân, đi khụy gối + Đi bước lùi, đi bước dồn trước, dồn ngang. + Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát. + Đi trên vạch kẻ, đi theo đường zích zắc + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích đặt (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy 15m trong 10 giây + Chạy chậm 60-80 m + Chạy theo bóng và bắt bóng
MT6. Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động tung, ném, đập, chuyền bắt bóng, bò trườn, trèo:	<i>Bài tập phát triển chung+vận động cơ bản</i> Tung, ném, chuyền, đập: +Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay. +Tung bắt bóng với người đối diện. +Đập và bắt bóng tại chỗ. +Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. +Ném trúng đích ngang(1,2-1,4m); (đích đứng

	xa 1m, cao 1 m) bằng 1 tay, 2 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. Bò, trườn, trèo + Bò bằng bàn tay, bàn chân dài 3-4 m + Bò zích zắc qua 5 điểm + Bò chui qua cổng, ống dài (1,2m x0,6 m) + Trườn theo hướng thẳng + Trèo qua ghế dài 1,5m x30cm + Trèo lên xuống 5 giống thang
MT7. Trẻ biết phối hợp nhanh nhẹn, khéo léo trong thực hiện bài tập bật, nhảy, bài tổng hợp:	Bài tập phát triển chung+vận động cơ bản Bật - nhảy: + Bật liên tục về phía trước, bật liên tiếp 4-5 vạch kẻ (vòng) + Bật xa 35 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 -35cm). + Bật chụm, tách chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. + Nhảy lò cò 3m.
MT 8. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay, mắt trong một số hoạt động: cắt thành thạo theo đường thẳng; vẽ hình người...; biết tết sợi đôi...	- Trẻ thực hiện được các vận động: Cuộn, xoay tròn cổ tay. Gập, mở, các ngón tay. Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vẩy, vẩy, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ... - Gấp giấy, nặn. Xé, cắt đường thẳng, dán,... - Tô, vẽ hình người, nhà, cây. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây. - Lắp ghép hình, xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. -Biết tết sợi đôi.
Lĩnh vực phát triển nhận thức	
*Khám phá khoa học	
MT 9. Trẻ biết chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	- Cảm nhận giác quan của 1 số bộ phận trên cơ thể. Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.
MT 10. Phân loại các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu.	- Phối hợp các giác quan để xem xét đặc điểm bên ngoài, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, phương tiện giao thông, từ đó phân loại chúng theo một hoặc hai dấu hiệu khác nhau: + Đồ dùng trong gia đình + Phương tiện và qui định giao thông đường bộ, đường thủy, đường hàng không

MT11. Trẻ biết tên gọi, đặc điểm, công dụng, ích lợi của các con vật, cây cối, hoa quả, rau, PTGT Trẻ nhận biết, tên gọi, đồ dùng, sản phẩm, lợi ích của một số nghề phổ biến, truyền thống gần gũi: nghề nông, nghề xây dựng, nghề y, ... khi được hỏi, xem tranh.	- <i>Chủ đề động vật:</i> + Động vật trong gia đình + Động vật trong rừng + Côn trùng và 1 số loại chim - <i>Chủ đề thực vật:</i> + Cây xanh và môi trường sống + Một số loại rau - củ + Một số loại hoa - quả - <i>Chủ đề phương tiện, quy định giao thông:</i> + Phương tiện và qui định giao thông đường bộ + Phương tiện và qui định GT đường thủy. + P.tiện và qui định GT đường hàng không - <i>Chủ đề nghề nghiệp</i> + Nghề sản xuất nông nghiệp + Nghề xây dựng + Nghề y chăm sóc sức khỏe + Chú bộ đội bé yêu
MT12. Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết một số vấn đề đơn giản (vd: làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn...) - Trẻ có khả năng thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện	- Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết một số vấn đề đơn giản, thí nghiệm, trải nghiệm - Xem sách, tranh ảnh, nhận xét trò chuyện về các thông tin
MT13. Trẻ nhận biết một số đặc điểm về hiện tượng tự nhiên. (Hiện tượng thời tiết, sự khác nhau về ngày và đêm; đặc điểm, tính chất của nước, lợi ích của nước đối với đời sống con người và cây cối, con vật - Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?... - Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.. - Trẻ biết phối hợp các giác quan để	+ Quan sát, trò chuyện về thời tiết các mùa. + Quan sát trời mưa, nắng, đêm, bầu trời. + Quan sát Cây, hoa, quả, rau, củ, con vật... + Trải nghiệm với cát, đá, sỏi,... + Trải nghiệm gieo hạt... + Thả vật chìm nổi, Sự kỳ diệu của nước... + Pha màu nước, pha đường, muối,... + Trải nghiệm: Pha nước chanh,.... - Biết chức năng của các giác quan mũi dùng ngửi, lưỡi dùng để nếm, mắt dùng để nhìn..... - Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của ánh sáng, nguồn nước, nắng mưa nóng lạnh trong sinh hoạt hàng ngày: - Các hiện tượng tự nhiên. - Vẽ, xé, dán, nặn, ghép hình...cây cối, con vật.. - Chơi các trò chơi trong các hoạt động học có

nhận xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. - Trẻ có khả năng nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. - Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	mục đích, hoạt động góc, chơi ngoài trời...Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề Gia đình, phòng khám, xây dựng công viên... So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả
*Khám phá xã hội	
MT14 Trẻ nói được họ, tên, tuổi, giới tính của bản thân, người thân; họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh, ảnh -Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình. Biết được nhu cầu gia đình cần. -Trẻ nói được tên và công việc của cô giáo, các cô bác trong trường, các hoạt động của trẻ ở trường mầm non. - Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân: + Bé Tự giới thiệu về mình + Cơ thể tôi và bạn. + Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh -Gia đình bé yêu - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. - Bé vui đến trường - Lớp học của bé - Các hoạt động ở trường MN - Quan sát: Các phòng ban trong trường, quan sát hoạt động của lớp khác... - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. -Lớp học của bé.
MT15. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội, di tích lịch sử của địa phương và đất nước	+ Ngày hội bé đến trường, khai giảng năm học. + Ngày tết trung thu. + Ngày hội của bà, mẹ, cô giáo. (20/10; 20/11; 8/3) + Ngày tết của chú bộ đội. (22/12; 30/4) + Ngày tết quê em, Lễ hội mừng xuân. + Ngày sinh nhật Bác hồ. + Ngày tết thiếu nhi 1/6. - <i>Hoạt động trải nghiệm:</i> + Làm đèn lồng, đèn ông sao + Trải nghiệm cắm hoa, làm thiệp, gói quà tặng cô, tặng mẹ, Làm câu đối tết, phiên chợ... - Nhận biết đặc điểm nổi bật về quê hương Diên Lộc, Diên Châu, nghệ An với những địa danh:

	Đền Thần, rú mùa, Đền An Dương Vương, Hồ Xuân Dương, Sông Bùng, Lèn Hai Vai, Quê Bác Hồ, Quảng Trường Hồ Chí Minh.... Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh....
*Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
MT 16. Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10; so sánh đối tượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. Quan tâm đến chữ số, số lượng. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự..	-Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. +Dạy trẻ so sánh nhận biết sự bằng nhau, khác nhau về số lượng của 2 nhóm đồ vật +Dạy trẻ so sánh 2-3. Thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 3 (tiết 2) - Ôn số lượng 1,2 - Đếm đến 3, tạo nhóm có số lượng 3, nhận biết chữ số 3 (số 3 tiết 1) - Dạy trẻ so sánh, Thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 3 (số 4 tiết 2). - Đếm đến 4, tạo nhóm có số lượng 4, nhận biết chữ số 4 (số 4 tiết 1) - Dạy trẻ so sánh, Thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 4 (số 4 tiết 2). - Đếm đến 5, tạo nhóm có số lượng 5, nhận biết chữ số 5 (số 5 tiết 1) - Dạy trẻ so sánh, Thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 5 (số 5 tiết 2).
MT 17. Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả; tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách, gộp nhóm đối tượng số lượng 3 thành 2 phần theo các cách khác nhau (số 3 tiết 3) - Tách, gộp nhóm đối tượng số lượng 4 thành 2 phần theo các cách khác nhau (số 4 tiết 3) - Tách, gộp nhóm đối tượng số lượng 5 thành 2 phần theo các cách khác nhau (số 5 tiết 3)
MT18. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng số thứ tự.	-Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số thứ tự, số lượng, số nhà, biển số xe,..).
MT19 . Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 03 đối tượng và sao chép lại, nói kết quả. - Trẻ chỉ ra được các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam	-Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. -So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo

giác, vuông và chữ nhật,...) - Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
MT20. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. - Trẻ mô tả được các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái). - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối. - Nhận biết các buổi ngày, đêm
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
MT21. Trẻ hiểu được nghĩa một số từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/ thực vật/ động vật... Nghe hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ... .
MT22. Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại nói rõ để người khác hiểu - Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... - Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp - Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	Nói, thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp. Phát âm các tiếng có chứa các âm khó Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.. Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động Nghe, hiểu lời nói và làm theo được 2, 3 yêu cầu trong giao tiếp hàng ngày. Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hằng ngày Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau Trả lời và đặt câu hỏi
MT23. Trẻ biết đọc thuộc, đọc diễn cảm bài thơ, ca dao, đồng dao... Trẻ biết lắng nghe và trả lời được các câu hỏi, biết đặt câu hỏi theo nội dung.	+ Thơ: * Trường MN Lên bốn (Nhược Thủy), Trăng sáng (Nhược Thủy và Phương Hoa), Nghe lời cô giáo (Nguyễn Văn Chương), Cô giáo của em (Chu Huy). * Bản thân, cơ thể bé: Cô dạy (Phạm Hồ), Ho (Thụy Anh), Đau (Vũ Duy Chu), Bé ơi (Phong Thu), Tâm sự cái mũi

	(Lê Thu Hương), Ông mặt trời (Ngô Thị Bích Hiền). * Gia đình bé: Niềm vui của mèo con, Em yêu nhà em (Đoàn Thị Lam Luyến), Thăm nhà bà (Như Mạo), Lấy tăm cho bà (Định Hải), Cô giáo của con. * Nghề Nghiệp: Bé làm bao nhiêu nghề (Yên Thao), Chú giải phóng quân (Cầm Thơ), Cái bát xinh xinh (Thanh Hoà), Làm bác sỹ (Lê Ngân), Chiếc cầu mới (Thái Hoàng Linh). * Thế giới Động vật: Em vẽ (Hoàng Thanh Hà), Chim chích bông (Nguyễn Viết Bình), Có chú gà con (Vương Trọng), Rong và cá (Phạm Hồ). * Thế giới Thực vật-Tết và Mùa Xuân: Tết đang vào nhà (Nguyễn Hồng Kiên), Hoa kết trái (Thu Hà), Cây đào (Nhược Thuỷ), Bắp cải xanh (Phạm Hồ), Hoa đào (Mai Văn Hải), Thi (Phạm Hồ). Quà mừng 8-3, Bó hoa tặng cô * Quy định và Phương tiện Giao thông . Giúp bà, Xe cần cẩu (Nguyễn Đức). Con đường của bé (Thanh Thảo), Đèn xanh đèn đỏ (Định Hải), Thuyền giấy (Sưu Tầm). * Nước và Hiện Tượng tự nhiên. Gió (Xuân Quỳnh), Mưa rơi (Trương Thị Minh Huệ), bốn mùa, Bão (Vương Thế Hùng), Sấm (Trúc Chi), Nắng sớm, * Quê Hương - Đất nước- Bác Hồ Bác Hồ của em, Buổi sáng quê nội (Nguyễn Lâm Thắng), Hoa quanh lăng Bác (Nguyễn Bao), Bác thăm nhà cháu (Thái Hoà). *Đồng Dao Chú Cuội, Thằng Bờm, Nhớ Ông, Công Cha Như Núi Thái Sơn, Rền Rền Ràng Ràng, Dích Dích Dắc Dắc, Con cò Bay Lã Bay La, Trời Mưa Trời Gió. * Ca Dao Con Diều, Tay Đẹp, Con Mèo mà leo cành đa, Con Gà Tục Tác Lá Chanh, Mười Hai Tháng Giêng, Dung Dăng Dung Dẻ, Em Tôi Bùn Ngủ
--	--

	Buồn nghe, Cái Cò Đi Đón Con Mưa. Tục Tác Lá Chanh, Mười Hai Tháng Gió
MT24. Trẻ biết lắng nghe kể truyện, biết trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, biết kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc - Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh. .	* Trường Mầm Non . Vì sao bé bin nín khóc, Món quà cô giáo (Tú Anh), Sự tích chú cuội cung trăng (Truyện cổ tích việt nam); Nếu Không đi học (Thu Hằng); Thỏ trắng đi học,... * Bản thân : Ngôi nhà ngọt ngào (Vũ Bội Tuyền), Củ cải trắng (Kim Tuyền), Gấu con bị sâu răng (Phan Lan Anh-Lương Bình). Ai bĐ nhÊt (Trần Thị Hoài), Người bạn tốt (Hoàng Thị Hà), * Gia đình bé: Thỏ dọn nhà, Gấu con chia quà (Thái Chí Thanh), Tích chu (Phổng Theo Sự Tích Chim Cu), Thá dân nhự, Ch, u ngoan cĩa bụ (Mai Thị Minh Huệ), Quụ tÆng mÑ. Cây Khế (Kim Tuyền); Cô bé quàng khăn đỏ. Sẻ con đáng yêu (Nguyễn Thanh Trang); Đàn ngỗng trời. C¶ nhự ®Ồu lụm viÖc (Hạ Huyền), Sù tÝch qu¶ d-a hÊu(Theo truyện cổ việt nam) * Nghề Nghiệp: Người làm vườn và các con trai (Lép Tôn-Xtoi), Sự tích quả dưa hấu (Theo Truyện Cổ Việt Nam) NiÒm vui tở b,t canh rau c¶i(Trần Ngọc Trâm)... * Thế Giới Động vật: Cáo thỏ gà trống (Thu Thủy), Dê con nhanh Trí(Theo Báo Hoạ My)... * Thế giới Thực vật_ Tết và Mùa Xuân . Sự tích hoa hồng (Theo Báo Hoạ My), Sự tích cây khoa lang (Theo Báo Hoạ My), Sự tích bánh chưng bánh dày... * Quy định và Phương tiện Giao thông . Con yêu mẹ lắm, Kiến con đi ô tô (Phạm Mai Chi-Sưu Tâm), Qua đường(TH), Kiến thi an toàn giao thông(PGDĐT Yên Hưng Yên Bái)... * Nước và Hiện tượng tự nhiên. Nàng công chúa chuột (Phơ-Răng Ranh Đơ-Nguyễn Huy Đan Dịch), Hồ nước và cô mây

	(Sưu Tầm), Đám mây xấu xí (Nguyễn Văn Thắng), Câu chuyện về giọt nước (Lê Tuyết Lê)... * Quê Hương - Đất nước- Bác Hồ. Quả táo của Bác hồ (Phỏng Theo Truyện của Bác Hồ), Sự tích hồ Gươm, Niềm vui bất ngờ (Theo Cuốn Bác Hồ Kính Yêu), Ông giống...
MT25. Trẻ biết chọn sách để xem, biết cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”) Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,.. -Trẻ có biểu tượng ban đầu về ký hiệu/ chữ cái/ chữ viết - Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp - Trẻ có khả năng điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen cách sử dụng sách, cách đọc sách (hướng đọc từ trái qua phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ các dấu, phân biệt đầu, kết thúc của sách). - “Đọc” chuyện qua sách tranh/ tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách. - Hướng dẫn đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Làm quen với công cụ viết và đưa tay thạo thành nét chữ cái. Nhận dạng một số chữ. Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT26. Trẻ biết nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh WC), lối ra, lối thoát hiểm (EXIT), nơi nguy hiểm (X), biển báo giao thông.
Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
MT27. Trẻ biết chú ý lắng nghe, tỏ ra thích thú (hát, theo nhạc, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc.	* Trường Mầm Non. Bàn tay cô giáo (Phạm Tuyên), Ngày đầu tiên đi học (Nguyễn Ngọc Thiệp), Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên), Trường mẫu giáo yêu thương (Hoàng Văn Yến). * Bản thân. Đường và chân (Hoàng Long), Khúc hát ru của người mẹ trẻ (Phạm Tuyên), Thật đáng chê (Dân ca tự chọn). * Gia đình bé. Ba ngọn nến lung linh, Bàn tay mẹ (Bùi Đình Thảo), Cho con (Phạm Trọng Cầu), Tổ ấm gia đình (Hoàng Vân), Chỉ có một trên đời (Trương

	Quang Lực). Cô giáo * Thế giới Động vật. + Chị ong nâu và em bé (Tân Huyền), Con chim vành khuyên (Hoàng Vân), Chim bay (Dân Ca Nam Trung Bộ), Lý con sáo sang sông (Dân Ca Nam Bộ) * Nghề nghiệp. Hạt gạo làng ta (Trần Viết Đình-Trần Đăng Khoa), Màu áo chú bộ đội (Thía Cơ), Anh phi công ơi, Lớn lên cháu lái máy cày, Cô giáo miền xuôi. * Thế giới Thực vật_ Tết và Mùa Xuân Hoa thơm bướm lượn (Dân Ca Quan Họ Bắc Ninh), Hoa trong vườn (Dân Ca Thanh Hoá), Lý cây xanh, Lý cây bông (Dân Ca Nam Bộ), Mùa xuân, Dân ca tự chọn bông hoa mừng cô, * Quy định và Phương tiện Giao thông Anh phi công ơi (Xuân Giao), Em đi chơi thuyền (Trần Kiệt Tường), Bác đưa thư vui tính (Hoàng Lân), Dân ca tự chọn, Bạn ơi có biết. Em Đi qua Ngã Tư Đường Phố (Hoàng Văn Yển). * Nước và Hiện Tượng tự nhiên. Bèo Dạt Mây Trôi (Dân Ca Quan Họ Bắc Ninh), Mưa Rơi (Dân Ca Xá), Mùa Hè (Chia Tay), Mùa Xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu) * Quê Hương - Đất nước- Bác Hồ. Bác Hồ người cho em tất cả (Hoàng Long-Hoàng Lân), Quê hương, Ai yêu Bác Hồ Chí Minh, Em như chim bồ câu trắng (Trần Ngọc), Lý chiều chiều (Kim Hữu), Xoè Hoa (Dân Ca Thái)
MT 28. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời; Biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo phách, nhịp, tiết tấu, vận động minh hoạ...)	* Trường Mầm Non: Vui đến trường, Em đi mẫu giáo (Phạm Tuyên), Rước Đèn dưới trăng (Đỗ Mạnh Tường), Đêm trung thu (Phùng Như Thạch), Cháu vẽ ông mặt trời (Tân Huyền), Chào hỏi khi về, Cô giáo (Đỗ Mạnh Tường) * Bản thân. Cả tuần đều ngoan (Phạm Tuyên), Mừng sinh nhật, Mời bạn ăn, Cái mũi (Việt Đức-Thu Hiền),

	Càng lớn càng ngoan (Đức Bằng). * Gia đình bé Cả nhà thương nhau (Phạm Tuyên), Múa cho mẹ xem (Xuân Giao), Cháu yêu bà (Xuân Giao), Bàn tay mẹ (Bùi Đình Thảo), Mẹ yêu không nào, Cô và mẹ, Cô giáo miền xuôi, * Nghề nghiệp. Chú bộ đội (Hoàng Hà), Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến), Lớn lên cháu lớn máy cày (Kim Hữu). * Thế giới động vật. Gà trống mèo con và cún con, Thật là hay, Cá vàng bơi (Nguyễn Hà Hải), Con chim non (Dân Ca Pháp), Voi làm xiếc, Con chuồn chuồn (Vũ Đình Lê). Đố Bạn (Hồng Ngọc) * Thế giới Thực vật. Bắp cải xanh (Tường Vân), Sắp đến tết rồi, Hoa trường em, Quả (Xanh Xanh). Quà 8/3 (Hoàng Văn Yến), Ngày vui 8/3 * Quy định và Phương tiện Giao thông Đèn xanh đèn đỏ (Thế Hội), Đường em đi (Tường Vân), Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến), Đi đường em nhớ (Nguyễn Thị Thanh) * Nước và Hiện tượng tự nhiên: Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích), Trời nắng trời mưa, Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà), Đếm Sao (Văn Chung),. * Quê Hương - Đất nước- Bác Hồ: Em yêu thủ đô (Bảo Trọng), Nhớ ơn bác (Phan Huỳnh Điểu), Quê hương tươi đẹp. - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. * Biểu diễn cuối chủ đề * Trò chơi âm nhạc: - Nghe tiếng hát tìm đồ vật. Ca sĩ dấu mặt. Ai nhanh nhất. Những nốt nhạc vui. Ai đang hát. Tiếng hát ở đâu. Rung chuông vàng. Tai ai tinh. Khiêu vũ. Vũ điệu sôi động. Nghe giai điệu đoán tên bài hát. Bịt mắt đoán tên bạn hát. Hát theo hình vẽ. Nghe tiếng hát tìm đồ vật. Nghe
--	---

	tiết tàu tìm đồ vật. Nghe thẩu hát tài. Bao nhiêu bạn hát. Ô cửa bí mật
MT29. Trẻ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc bố cục; Có kỹ năng xé, cắt theo đường thẳng, đường cong Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục đáng. - Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. -Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình	+Vẽ, tô màu hoa trong vườn trường. +Tô màu cô giáo và các bạn. + Vẽ, tô màu đồ chơi trong lớp học. + Tô màu vòng đeo cổ. + Vẽ, tô màu ngôi nhà. +Vẽ, tô màu người thân trong gia đình +Vẽ, tô màu chú cảnh sát giao thông. +Vẽ, tô màu cây xanh. +Vẽ tô màu rau, củ, quả. +Vẽ, tô màu vườn hoa mùa xuân. +Vẽ, tô màu con mèo. + Vẽ tô màu con bướm. +Vẽ, tô màu: tàu hỏa. +Vẽ , tô màu Ô tô. + Vẽ Cảnh mùa hè. + Vẽ chiếc ô ... Nói lên ý tưởng tạo hình của mình + Cắt dán khuôn mặt biểu lộ cảm xúc. + Xé dán bông hoa, trang trí của sổ. + Cắt dán cái thang cho chú công nhân. + Xé dán trang trí bình hoa tặng cô giáo. + Xé dán quả + Cắt dán con vật sống dưới nước. +Xé dán máy bay trực thăng. +Xé dán mặt trời và những đám mây. +Trang trí áo bé trai, váy bé gái. +Trang trí khung ảnh Bác Hồ. +Trang trí dây hoa chào mừng ngày 30/4 - 1/5. Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.
MT30. Trẻ biết làm lồm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Nặn bánh ngày tết. - Nặn đồ dùng trong gia đình. - Nặn mâm ngũ quả - Nặn các con vật - Nặn dụng cụ, sản phẩm của các nghề..... - Nặn theo ý thích
MT 31. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm

- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích và đặt tên cho sản phẩm tạo hình	phẩm theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình
MT32. Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu chậm,...
Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
MT 33. Trẻ nói được điều trẻ thích, không thích, những việc gì trẻ có thể làm được - Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	Thích đến lớp, thích bạn nào, thích món ăn gì..... Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia vào trò chơi, đồ chơi. Tự chọn đồ chơi trò chơi theo ý tưởng Nói rõ ràng, Sở thích, khả năng của bản thân. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi. Mạnh dạn giao tiếp.
MT 34. Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
MT 35. Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ - Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	Kính yêu Bác Hồ. Nghe kể chuyện, đọc thơ, hát, xem tranh về Bác Hồ. Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước
MT36. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ; bỏ rác đúng nơi quy định. Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). Thực hiện hoàn thành công việc được người lớn giao như: xếp bàn ghế, cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định, giúp cô thu dọn bàn ăn,... Dạy trẻ cách xếp ghế, gấp quần áo, chăn, biết lấy cất gối đồ dùng cá nhân, ...
MT 37. Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói; Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn	Tập trung chú ý khi cô và bạn nói Cảm ơn khi người khác cho quà hoặc giúp đỡ và xin lỗi khi mình làm sai Chào hỏi lễ phép khi gặp mọi người. - KNS: Kỹ năng chào hỏi - KNS: Dạy trẻ biết nói lời yêu thương, cảm ơn.

để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...). Biết chờ đến lượt khi được nhờ	- Trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung, chơi hòa thuận với bạn Chờ đến lượt của mình, cùng nhau hợp tác
MT. 38. Trẻ biết quan tâm và bảo vệ môi trường sống. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	Trẻ biết bảo vệ môi trường, chăm sóc con vật và cây cối, không hái hoa, bẻ cành,... Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định ở trường, lớp ở nhà, nơi công cộng. Trẻ biết tiết kiệm điện, nước, biết tắt quạt khi đi ra ngoài, nước mở vừa đủ. Dạy trẻ phòng tránh các vật dụng dẫn điện: bàn là, bếp đang đun... Dạy trẻ phòng tránh bị điện giật.
MT39. Tin học: Biết chơi, điều khiển các trò chơi trên máy tính, Ipat để chơi các trò chơi; chơi điều khiển các trò chơi ứng dụng STEAM	Biết chơi, điều khiển các trò chơi trên máy tính, Ipat để chơi các trò chơi; chơi điều khiển các trò chơi ứng dụng STEAM
MT40. Ngoại ngữ: Nghe và trả lời được bằng cử chỉ, hành động, hoặc bằng 1-3 từ, một số mẫu câu đơn giản trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi và khi được hỏi về bản thân và gia đình	Nghe và trả lời được bằng cử chỉ, hành động, hoặc bằng 1-3 từ, một số mẫu câu đơn giản trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi và khi được hỏi về bản thân và gia đình

Diễn Lộc, ngày 20 tháng 08 năm 2024

NGƯỜI LẬP

Cao Thị Hiền

HIỆU TRƯỞNG

Cao Thị Hà